

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 105/2018/HSST

Ngày: 29-5- 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan

Ông Trịnh Xuân Tính

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 183/2018/HSST, ngày 13 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2018/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Thị Minh T, Sinh năm 1990.

Nơi ĐKHHTT: Đường B, phường Th, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đình Th (Đã chết) và bà Mai Thị D, sinh năm 1946; Có chồng là Nguyễn Ngọc H, có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 08/7/2014 bị TAND thành phố H, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (Đang hoãn chấp hành hình phạt tù theo Quyết định số 05/2017/QĐ-CA ngày 23/02/2017 của TAND thành phố H, tỉnh Thanh Hóa).

Bị bắt tạm giữ từ ngày 09/01/2018 đến ngày 12/01/2018 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20h ngày 09/01/2018, tại khu vực đường Triệu Quốc Đ thuộc phường B, thành phố H. Tổ công tác đội 4 phòng PC 47 Công an tỉnh Thanh Hóa phát hiện bắt quả tang Lê Thị Minh T đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ bên trong túi sách của T đang đeo trên người là 02 gói nilong

bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng. Tâm khai đó là ma túy đá, T mua về cho chồng là Nguyễn Ngọc H sử dụng nhưng chưa kịp đưa thì bị bắt.

Cơ quan điều tra thu giữ của T 01 điện thoại di động Iphone màu đen, 01 điện thoại Nokia, 01 xe máy điện BKS MDD1-26867 màu trắng và 1.500.000đ.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của T tại Đường Ng phường Đ, thành phố H. Cơ quan điều tra thu giữ 04 gói nilong màu trắng mép trên đều có vạch màu xanh, bên trong 04 gói đều chứa các hạt tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy dạng đá) cất giấu bên trong của chiếc giày màu đen có ký hiệu mede in Korea của cháu Ngô Đức A, sinh năm 2008 (cháu T) đang để trên giá để giày ở ngoài cửa. Việc T cất giấu ma túy trong giày của cháu Đức A, Đức A không biết.

Tại kết luận giám định số 250/MT-PC 54, ngày 12/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định, kết luận:

- 02 gói nilong bên trong chứa chất tinh thể màu trắng thu giữ trong túi xách của Lê Thị Minh T (ký hiệu M1) là ma túy, có trọng lượng 0,547g, loại Methamphetamine.

- 04 gói nilong bên trong chứa chất tinh thể màu trắng thu giữ khi khám xét nơi ở của Lê Thị Minh T (ký hiệu M2) là ma túy, có tổng trọng lượng 1,234g, loại Methamphetamine.

Tại cơ quan điều tra, Lê Thị Minh T khai nhận: Do chồng là Nguyễn Ngọc H nghiện ma túy nên thường xuyên xin tiền Tâm để mua ma túy sử dụng. Nếu T không cho tiền thì H sẽ chửi bới, đánh đập nên T nảy sinh ý định mua ma túy đá về chia nhỏ cho H sử dụng dần cho rẻ. Vào khoảng 17h ngày 08/01/2018, T đi ra khu vực gầm Cầu V, phường Ng, thành phố H mua của một người phụ nữ không biết tên, địa chỉ 02 gói ma túy đá với giá 1.000.000đ. Sau khi mua ma túy, T đem về nhà chia thành 06 gói nhỏ, giấu 04 gói vào giày của cháu Ngô Đức A, còn 02 gói T bỏ vào túi xách mang theo người với mục đích khi nào chồng đòi tiền mua ma túy sẽ đưa cho chồng sử dụng nhưng chưa kịp đưa thì bị Công an bắt quả tang, thu giữ tang vật.

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho T, do T khai không biết tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Đối với Nguyễn Ngọc H là chồng T, H không biết việc T mua ma túy về để cho H sử dụng nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với chiếc xe máy điện BKS MDD1-26867 màu trắng là xe T mượn của chị Nguyễn Thị Thu H. Chị H không biết việc T mượn xe đi mua ma túy nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho chị H.

Tại cáo trạng số 104/CT-VKS, ngày 13/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố Lê Thị Minh T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c

khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015; Tuyên bố bị cáo Lê Thị Minh T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị Minh T mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù, tổng hợp hình phạt 36 (Ba mươi sáu) tháng tù của bản án số 182/2014 ngày 08/7/2014 của TAND thành phố H và đề nghị xử lý vật chứng.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin được hưởng sự khoan hồng với mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 20h ngày 09/01/2018, tại khu vực đường Triệu Quốc Đ, phường B, thành phố H. Công an tỉnh Thanh Hóa đã phát hiện, bắt quả tang Lê Thị Minh T đang tàng trữ trái phép 02 gói ma túy đá có trọng lượng 0,547g, loại Methamphetamine. Khám xét nơi ở của T thu giữ 04 gói ma túy đá có trọng lượng 1,243g loại Methamphetamine. Số ma túy trên T mua về cho chồng sử dụng dần nhưng chưa kịp đưa thì bị phát hiện, bắt quả tang thu giữ tang vật.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Quyết định truy tố và lời luận tội của Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Lê Thị Minh T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

[2] Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo biết rõ ma túy là một trong những tệ nạn nguy hiểm cho xã hội, gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng đến đời sống của nhiều gia đình. Ma túy đã làm kiệt quệ về sức khỏe và tài sản, là nguyên nhân làm gia tăng tội phạm, gây lan truyền căn bệnh HIV/ADS. Do chồng bị cáo nghiện ma túy nên bị cáo đã tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích đưa cho chồng sử dụng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý về các chất gây nghiện của Nhà nước và còn gây mất trật tự trị an xã hội. Ngoài việc phải chấp hành hình phạt của bản án này, bị cáo T còn phải chịu tổng hợp hình phạt 36 (Ba mươi sáu) tháng tù của bản án số 182/HSST ngày 08/7/2014 của Tòa án nhân dân thành phố H (Quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015).

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án, lần phạm tội này là tái phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; Bị cáo có bố là Lê Đình Th được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì, Huân chương chiến công hạng nhì và mẹ là Mai Thị D được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba nên bị cáo đ-

ược áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015,

Với tính chất vụ án nghiêm trọng, với nhân thân của bị cáo, xét cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới đủ điều kiện cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Do bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với 0,527g Methamphetamine (Phong bì ký hiệu M1) và 1,202g Methamphetamine (Phong bì ký hiệu M2) còn lại sau giám định là mặt hàng Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 1.500.000đ và 01 điện thoại di động Iphone màu đen, 01 điện thoại Nokia màu xanh thu giữ trong người bị cáo, qua điều tra là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến vụ án nên tuyên trả lại cho bị cáo.

[5] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 ; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Lê Thị Minh T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Lê Thị Minh T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù được trừ đi thời gian tạm giữ 03 ngày, còn lại 23 (Hai mươi ba) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày. Tổng hợp hình phạt 36 (Ba mươi sáu) tháng tù chưa chấp hành của bản án số 182/HSST ngày 08/7/2014 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: 59 (Năm mươi chín) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy Một phong bì do niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, được đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, có các chữ ký của Nguyễn Trần Đ, Lê Công Th và Trần Thị Thúy H. Bên trong chứa 0,527g Methamphetamine (Phong bì ký hiệu M1) và 1,202g Methamphetamine (Phong bì ký hiệu M2) còn lại sau giám định.

Trả lại cho bị cáo số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) và 01 điện thoại Iphone màu đen, model A1778; 01 điện thoại Nokia màu xanh, model RM-1187 Imei 1:357343085010679; (Cả 02 điện thoại đã cũ, không kiểm tra chất lượng máy).

Hiện số tang vật và tài sản đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H theo biên bản giao nhận vật chứng số 118/THA ngày 07/5/2018 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H với Công an thành phố H.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14.

Bị cáo Lê Thị Minh T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Cục THA TP H;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trương Thị Anh